

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/DS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Tiến.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2018/TLST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1934.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1979.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa H 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Y sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp An H , xã A, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2018 của bà Phạm Thị T và lời trình bày của anh Nguyễn Hồng Đ đại diện theo ủy quyền của bà T trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017, bà Y có mượn của bà T nhiều lần với số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng để làm thủ tục cho con bà đi hợp tác lao động ở Nhật Bản. Khi cho mượn tiền, bà T không thỏa thuận tính lãi suất cụ thể mà bà Y muốn trả cho bà T bao nhiêu thì trả. Trong thời gian mượn tiền, bà Y có trả tiền lãi cho

bà T nhưng do tuổi già nên bà T không nhớ cụ thể là bao nhiêu và bà Y hứa khi con bà sang Nhật làm việc ổn định rồi gửi tiền về bà Y sẽ trả cho bà T nhưng từ năm 2017 cho đến nay bà Y không trả cho bà T số tiền nào mặc dù con bà T làm việc ổn định tại Nhật. Nay anh đại diện bà T yêu cầu bà Y trả cho bà T số tiền gốc là 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Phan Thị Y thừa nhận có nợ bà Phạm Thị T số tiền là 80.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền trên cho bà T vào tháng 01/2020 vì hiện nay điều kiện kinh tế gia đình của bà quá khó khăn, không có tiền để trả.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng Đ đại diện bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T đòi bà Phan Thị Y trả cho bà T số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 14/11/2018, không yêu cầu trả tiền lãi suất. Đối với bà Y thì không đồng ý trả tiền cho bà T theo thời gian mà anh Đ yêu cầu vì bà không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T yêu cầu bà Phan Thị Y trả tiền vay là thuộc quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; bà Phan Thị T là bị đơn có địa chỉ tại ấp An H, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng Đ đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T với bà Phan Thị Y thống nhất số tiền tranh chấp là 80.000.000 đồng, theo đó xác định bà Y có nợ bà T số tiền là 80.000.000 đồng.

2.2. Bà Y đồng ý trả tiền 80.000.000 đồng cho bà T nhưng hai bên không nhất thời gian trả vì anh Đ đại diện bà T yêu cầu bà Y trả số tiền trên cho bà T vào ngày 14/11/2018, còn bà Y chỉ đồng ý thời gian trả vào tháng 01/2020.

2.3. Xét thấy khi mượn tiền của bà T, bà Y và bà T không có ấn định thời gian trả cụ thể nhưng anh Đ đại diện bà T cho rằng bà Y hứa khi con bà chính thức được làm việc ở Nhật ổn định, gửi tiền về cho bà sẽ trả cho bà T. Lời trình bày này của anh Đ được bà Y thừa nhận, bà Y xác định con bà đã chính thức làm việc ở Nhật vào đầu năm 2017 nhưng không gửi tiền về cho bà nên bà không có tiền trả cho bà T. Như vậy, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay của bà T theo thỏa thuận.

2.4. Tại phiên tòa, anh Đ thừa nhận bà T có nhận tiền lãi do bà Y trả nhưng bà T không xác định được tổng cộng số tiền lãi là bao nhiêu, bà Y xác định đã trả lãi cho bà T theo mức lãi suất là 8%/tháng nhưng từ tháng 07/2017 cho đến nay bà không có trả tiền lãi nữa và khi trả tiền lãi cho bà T, bà cũng không có ghi giấy tờ gì để làm chứng cứ nên bà không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã trả cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận với bà T nên anh Đ đại diện bà T yêu cầu bà Y trả cho bà T số tiền nợ là 80.000.000 đồng là có căn

cứ. Bà Y hẹn đến tháng 01/2020 mới trả tiền cho bà T là không đảm bảo quyền lợi cho bà T nên buộc bà Y phải trả cho bà T số tiền 80.000.000 đồng phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Phan Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T: Buộc bà Phan Thị Y phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) vào ngày 14/11/2018.

Trường hợp bà Phan Thị Y chậm thi hành số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Buộc bà Phan Thị Y phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Thị Kim Thanh

